

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 34/2017/HSST

Ngày: 09/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Hạnh.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Khắc Vinh và bà Hoàng Thị Thanh.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:* Ông Phan Văn Chiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đinh Hồng P**, sinh năm 1976; Tại tỉnh: Nghệ An; Tên gọi khác: P cướp; Nơi ĐKNKTT: xóm 5, xã D, huyện C, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở trước khi phạm tội: Không nơi ở nhất định; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Đinh Quang C (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1949; Tiền án: 03 tiền án (01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích, 01 tiền án về tội Giết người và 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 03/9/2016 - Có mặt.

2. Họ và tên: **Đoàn Quốc Q**, sinh năm: 1981; Tại tỉnh: Khánh Hoà; Tên gọi khác: K; Nơi ĐKNKTT và trú tại: thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hoà; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Đoàn L, sinh năm 1954 và bà: Trần Thị Kim C, sinh năm 1955; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 06/9/2016 – Có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Công H**, sinh năm 1994; Tại: tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKNKTT: xóm 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở trước khi phạm tội: Không nơi ở nhất định; Dân tộc: Thổ; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: không;

Con ông Nguyễn Công L, sinh năm 1975 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2017 – Có mặt.

4.Họ và tên: **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1994; Tại: Tỉnh Nghệ An; Tên gọi khác: P nhỏ; Nơi ĐKNKTT: xóm 1, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An; Tạm trú: thôn 11, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm 1963 và bà: Lê Thị T, sinh năm 1966; Tiền án: 01 tiền án về tội Cướp tài sản; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2017 theo Lệnh bắt và tạm giam số: 09/2017/LBTG ngày 26/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Đắk Mil – Có mặt.

5.Họ và tên: **Võ Thanh T**, sinh năm 1990; Tại: Tỉnh Đắk Nông; Tên gọi khác: TQ; Nơi ĐKNKTT và trú tại: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Võ Văn Q, sinh năm 1965 và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Có vợ là Đinh Nguyễn Lệ N, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 06/12/2016 - Có mặt.

6.Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Thái N**, sinh năm 1995; tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKNKTT: Thôn 2, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Tạm trú: bon B, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Việt Thanh L, sinh năm 1966 và bà: Trần Thị S, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2016 – Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H:** Ông Y L và ông Phạm Quang L –Trung tâm tỉnh Đắk Nông (có mặt)

- **Những người bị hại:**

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2. Bà Phan Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

3. Ông Viên Đình T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông (có mặt)

5. Ông Phan Thượng S, sinh năm 1980; bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; cùng trú tại: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông (có mặt)

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Phúc H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 01, đường M, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

2. Bùi Quang C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)
3. Lê Hoàng C, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)
4. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)
5. Vũ Ngọc Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 01, đường X, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)
6. Trần Thị Minh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)
7. Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông (có mặt)
8. Nguyễn Văn S, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông (có mặt)
9. Đinh Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt)
10. Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Khối 3, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)
11. Đinh Nguyễn Lệ N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt)
12. Trần Công M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)
13. Võ Hồng H, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)
14. Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông (có mặt)
15. Phan Bá P, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)
16. Phòng Tử C, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 1 đường A, phường P, quận P, TP Hồ Chí Minh (vắng mặt)
17. Ngô Thanh H, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2016, trên địa bàn các huyện M và huyện S, tỉnh Đắk Nông, Đinh Hồng P, Võ Thanh T, Nguyễn

Ngọc Thái N, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H và Nguyễn Văn P đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 16/7/2016, Đinh Hồng P bàn bạc với Nguyễn Công H và Hồ Ngọc S về việc cùng nhau đi đến một số vựa thu mua sầu riêng trên địa bàn xã Đ và xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông thu tiền “bến bãi” (tiền bảo kê) các xe ô tô đến thu mua sầu riêng để lấy tiền tiêu xài thì được Hồ Ngọc S và Nguyễn Công H đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Nguyễn Công H điều khiển xe mô tô biển số 59D1 – 019.90 (xe do Đinh Hồng P mượn của Võ Thanh T để sử dụng) chở Đinh Hồng P và Hồ Ngọc S đến vựa thu mua sầu riêng của chị Trương Thị Kim A và anh Nguyễn Ngọc L tại thôn 1, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông thì thấy có xe ô tô biển số 47C – 127.87 (do anh Viên Đình T, trú tại tổ dân phố 4, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk làm chủ) đang bốc sầu riêng. Đinh Hồng P yêu cầu anh Nguyễn Ngọc L cho gặp tài xế xe ô tô biển số 47C – 127.87 để thu tiền “bến bãi” và yêu cầu anh Nguyễn Ngọc L không được bán sầu riêng cho ai khác mà phải bán cho Đinh Hồng P; nếu có người đến thu mua sầu riêng phải thông qua cho nhóm Đinh Hồng P biết. Khi thấy nhóm Đinh Hồng P đến, chị Trương Thị Kim A nói anh Viên Đình T điều khiển xe ô tô biển số 47C – 127.87 đi thì Nguyễn Công H và Hồ Ngọc S chặn trước đầu xe không cho xe di chuyển, yêu cầu anh Viên Đình T phải nộp 500.000 đồng tiền “bến bãi”. Anh Viên Đình T năn nỉ xin giảm bớt tiền nhưng Nguyễn Công H và Hồ Ngọc S không đồng ý và nói đây là lệnh của Đinh Hồng P, nếu anh Viên Đình T không nộp tiền thì xe không được đi. Anh Viên Đình T tiếp tục năn nỉ thì Đinh Hồng P quát lớn buộc anh Viên Đình T phải đưa tiền. Do sợ bị nhóm của Đinh Hồng P đánh, anh Viên Đình T lấy 200.000 đồng đưa cho Hồ Ngọc S. Sau khi nhận tiền, Hồ Ngọc S nói với anh Viên Đình T lần sau đến huyện M mua hàng thì phải liên hệ với nhóm của Đinh Hồng P, rồi Hồ Ngọc S cùng Đinh Hồng P và Nguyễn Công H điều khiển xe mô tô biển số 59D1 – 019.90 bỏ đi. Sau đó, Hồ Ngọc S đưa tiền cho Đinh Hồng P và các bị cáo đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng đầu tháng 6/2016, qua tìm hiểu, Đinh Hồng P biết được có 01 thửa đất tại lô 3, khoảnh 7, tiểu khu 1130 (thường gọi là khu vực cừu chiến binh), diện tích 5170 m² thuộc xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông, do công ty L quản lý; hiện đang do ông Phan Thượng S và vợ là Nguyễn Thị T canh tác trái phép nên Đinh Hồng P nảy sinh ý định đe dọa gia đình ông Phan Thượng S để chiếm đoạt tiền hoặc chiếm đất. Sau đó, Đinh Hồng P thuê 03 - 04 người (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến diện tích đất của gia đình ông Phan Thượng S để phát cỏ làm rẫy, mục đích tạo ra sự tranh chấp với gia đình ông Phan Thượng S. Thấy có người lạ canh tác trên đất của gia đình ông Phan Thượng S nên ông Nguyễn Văn T (trú tại xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là cậu của ông Phan

Thượng S, lúc này đang làm ở rẫy bên cạnh) đến hỏi thì được những người này cho biết là làm việc cho Đinh Hồng P. Nghe vậy, ông Nguyễn Văn T hỏi xin số điện thoại của Đinh Hồng P để làm rõ thì Đinh Hồng P nói diện tích đất trên là của đàn em Đinh Hồng P khai hoang, nay bị đi tù nên Đinh Hồng P lấy lại làm, nếu gia đình ông Phan Thượng S muốn làm thì phải đưa cho Đinh Hồng P số tiền 250.000.000 đồng. Sau đó, ông Nguyễn Văn T nói lại với ông Phan Thượng S thì ông Phan Thượng S không đồng ý vì diện tích đất trên là do ông Nguyễn Văn T (là bố vợ của ông Phan Thượng S) cho hai vợ chồng làm ăn.

Đến khoảng giữa tháng 6/2016, khi bà Nguyễn Thị T, ông Phan Hữu Q (vợ và bố đẻ của ông Phan Thượng S) cùng với anh Nguyễn Văn T chị Nguyễn Thị M (cùng trú tại thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông) đến diện tích đất rẫy nói trên cuộc hồ cầ phê thì gặp 05 người (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) xưng là người của Đinh Hồng P đến nói diện tích đất này là của Đinh Hồng P, không cho bà Nguyễn Thị T canh tác, nếu tiếp tục làm thì đe dọa sẽ cắt gân tay, gân chân. Nghe vậy, bà Nguyễn Thị T cùng gia đình sợ hãi không dám làm nữa. Sau đó, bà Nguyễn Thị T kể cho gia đình nghe thì ông Nguyễn Văn T gọi cho Đinh Hồng P và được Đinh Hồng P hẹn gặp tại nhà nghỉ H, thuộc tổ 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông (do ông Nguyễn Ngọc B, trú cùng địa chỉ, làm chủ). Theo lời hẹn, ông Phan Thượng S và ông Nguyễn Văn T đến gặp thì Đinh Hồng P buộc ông Phan Thượng S phải đưa cho Đinh Hồng P số tiền 220.000.000 đồng, nếu không Đinh Hồng P sẽ kêu người bán diện tích đất của ông Phan Thượng S. Do lo sợ gia đình mình bị Đinh Hồng P hãm hại nên vào khoảng 09 giờ ngày 10/8/2016, ông Phan Thượng S cùng ông Nguyễn Văn T đến nhà nghỉ H gặp Đinh Hồng P để đưa tiền. Tại đây, ông Phan Thượng S gặp Đinh Hồng P, Đoàn Quốc Q (sinh năm 1981, trú tại xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa), Trần Văn C (trú tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An), và đối tượng nam giới tên C (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đang ở phòng P.C01, anh Phan Thượng S xin đưa trước số tiền 120.000.000 đồng và nợ lại 100.000.000 đồng thì được Đinh Hồng P đồng ý; Đinh Hồng P nói đối tượng tên C nhận và đếm tiền (việc giao nhận tiền không có giấy tờ). Sau đó, Đinh Hồng P yêu cầu ông Phan Thượng S phải giao số tiền còn lại vào cuối năm 2016. Số tiền 120.000.000 đồng chiếm đoạt được, Đinh Hồng P đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Khoảng tháng 8/2016, khi Đinh Hồng P đang ở phòng trọ tại thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông thì có Trần Văn T đến gặp và bàn bạc với Đinh Hồng P về việc nhờ Đinh Hồng P cho đàn em dựng một lán chòi trên mảnh đất của gia đình ông Nguyễn Văn N (đây là diện tích đất đang kiểm kê để bàn giao lại cho địa phương bố trí và sử dụng do Hội đồng giải thể tỉnh Đắk Nông thực hiện, có một phần thuộc thửa số 42, tờ bản đồ số 32 và một phần là lộ giới) thuộc thôn T, xã

T, huyện S nhằm mục đích uy hiếp gia đình ông Nguyễn Văn N để lấy đất hoặc buộc ông Nguyễn Văn N phải đưa ra một số tiền cho Trần Văn T thì được Đình Hồng P đồng ý. Đình Hồng P nói Nguyễn Văn P, Trần Văn C (sinh năm 1986, trú tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An), H và một người dân tộc (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến giúp Trần Văn T dựng lán chòi trên đất của gia đình ông Nguyễn Văn N. Sau đó, lán chòi nói trên bị gia đình ông Nguyễn Văn N dỡ bỏ nên lấy lý do này, ngày hôm sau, Nguyễn Văn P điều khiển xe mô tô biển số 47B1 – 579.54 (xe thuộc sở hữu của Đình Hồng P) chở Trần Văn T đến gặp gia đình ông Nguyễn Văn N; tại đây, Trần Văn T quát tháo, đe dọa buộc ông Nguyễn Văn N phải bồi thường với số tiền 200.000.000 đồng; đồng thời, Trần Văn T gọi điện thoại cho Đình Hồng P để nhờ Đình Hồng P can thiệp yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn N phải bồi thường thì Đình Hồng P đồng ý.

Do nghe nói có Đình Hồng P tham gia đòi tiền bồi thường cho Trần Văn T, gia đình ông Nguyễn Văn N thấy lo sợ nên anh Nguyễn Văn N (là con trai ông Nguyễn Văn N) đã nhờ anh Trần Thái D (trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông), là người có quen biết với Đình Hồng P đứng ra thương lượng giúp. Sau đó, anh Trần Thái D liên lạc với Đình Hồng P xin giảm bớt số tiền gia đình ông Nguyễn Văn N phải nộp vì gia đình khó khăn và đề nghị Đình Hồng P đến gặp trực tiếp để nói chuyện thì Đình Hồng P đồng ý.

Khoảng 23 giờ ngày 24/8/2016, Đình Hồng P nhờ Đoàn Quốc Q điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu ghi, biển số 47A – 040.78 (xe thuộc sở hữu của ông Vũ Ngọc Q, trú tại phường T, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk, do Đoàn Quốc Q thuê lại của Nguyễn Phúc H, trú tại số 01, đường M, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk để sử dụng đi lại) chở Đình Hồng P và đối tượng tên C (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến nhà anh Nguyễn Văn S (là con trai ông Nguyễn Văn N) tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Khi đến nơi, Đình Hồng P yêu cầu gia đình ông Nguyễn Văn N phải đưa số tiền 200.000.000 đồng để bồi thường cho Trần Văn T nhưng anh Nguyễn Văn S năn nỉ xin giảm bớt số tiền thì Đình Hồng P tức giận, quát tháo; sau nhiều lần thương lượng, Đình Hồng P buộc anh Nguyễn Văn S cùng gia đình phải đưa số tiền 45.000.000 đồng; do thấy không thương lượng được nữa nên anh Nguyễn Văn S đồng ý và hẹn Đình Hồng P ngày hôm sau đến lấy

Đến khoảng 15 giờ ngày 25/8/2016, Đoàn Quốc Q điều khiển xe mô tô biển số 47A – 040.78 chở Đình Hồng P và C đến nhà ông Nguyễn Văn N (cách nhà anh Nguyễn Văn S khoảng 20m). Khi đến nơi thì Đoàn Quốc Q và C đứng ở ngoài, còn Đình Hồng P vào gặp ông Nguyễn Văn N thì được ông Nguyễn Văn N lấy 40.000.000 đồng và mượn thêm của anh Trần Thái D 5.000.000 đồng đưa cho Đình Hồng P. Số tiền này, Đình Hồng P đưa cho Trần Văn T 6.000.000 đồng; còn lại Đình Hồng P sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 15 giờ ngày 19/8/2016, Đinh Hồng P gọi điện thoại cho Đoàn Quốc Q đến thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông đón Đinh Hồng P đến huyện M, tỉnh Đắk Nông nhưng không nói cho Đoàn Quốc Q biết để làm gì. Sau đó, Đoàn Quốc Q điều khiển xe ô tô biển số 47A – 040.78 chở Đinh Hồng P đến xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông thì Đinh Hồng P yêu cầu dừng lại để đón thêm Võ Thanh T rồi cả nhóm tiếp tục đi về hướng tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi, Đinh Hồng P và Võ Thanh T bàn bạc về việc thu tiền “bến bãi” (tiền bảo kê) của các xe ô tô ngoại tỉnh thu mua nông sản trên địa bàn xã Đ, tuy không tham gia bàn bạc nhưng Đoàn Quốc Q nhận thức được việc sẽ đi thu tiền bảo kê và ngầm đồng ý.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đi đến thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Đinh Hồng P phát hiện tại vực sâu riêng của bà Trần Thị Minh H có một xe ô tô biển số tỉnh Bến Tre (hiện không xác định được biển số) đang bốc hàng sâu riêng nên nói Đoàn Quốc Q điều khiển xe ô tô biển số 47A – 040.78 dừng lại. Tại đây, Đinh Hồng P và Võ Thanh T mở kính xe ô tô xuống và hỏi bà Trần Thị Minh H là tài xế chiếc xe biển số tỉnh Bến Tre ở đâu để thu tiền “bến bãi” thì bà Trần Thị Minh H sợ hãi chỉ sang phía cây xăng B ở phía đối diện. Đoàn Quốc Q điều khiển xe ô tô chở cả nhóm đi đến cây xăng B thì phát hiện có xe ô tô biển số 71C – 029.40 (xe do bà Phan Thị H, trú tại xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre thuê của bà Võ Hồng H, trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre đến huyện M, tỉnh Đắk Nông thu mua nông sản) cũng đang bốc hàng sâu riêng. Sau khi dừng xe, Đinh Hồng P nói Đoàn Quốc Q xuống xe đi tìm tài xế của xe ô tô biển số 71C – 029.40 để thu tiền “bến bãi” thì được Đoàn Quốc Q đồng ý. Đoàn Quốc Q đến gặp anh Trần Công M (trú tại xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông) để hỏi tìm tài xế thì cùng lúc này Đinh Hồng P và Võ Thanh T cũng xuống xe đi lại nói chuyện. Đinh Hồng P yêu cầu anh Trần Công M nói với chủ xe là phải đóng tiền bảo kê cho xe ô tô biển số 71C – 029.40 là 3.000.000 đồng thì mới được đi. Vì biết Đinh Hồng P và đồng bọn là nhóm giang hồ chuyên thu tiền bảo kê trên địa bàn huyện M nên anh Trần Công M đến gặp bà Phan Thị H (lúc này đang ở trên thùng xe ô tô biển số 71C – 029.40) để nói lại thì bà Phan Thị H sợ hãi không dám ra mặt và nhờ anh Trần Công M xin giúp giảm bớt số tiền phải đóng cho nhóm Đinh Hồng P. Anh Trần Công M năn nỉ xin Đinh Hồng P giảm bớt số tiền thì được Đinh Hồng P đồng ý thu tiền “bến bãi” là 1.000.000 đồng nhưng đe dọa anh Trần Công M là lần sau phải thực hiện đúng “luật”, nộp tiền bảo kê cho mỗi xe là 3.000.000 đồng. Anh Trần Công M đến gặp bà Trần Thị Minh H để mượn giúp bà Phan Thị H số tiền 1.000.000 đồng rồi đi đến xe ô tô biển số 47A – 040.78 đưa cho Võ Thanh T để nộp tiền bảo kê. Sau khi nhận được tiền, Võ Thanh T đưa lại cho Đinh Hồng P rồi cả nhóm quay về thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Trên đường đi, Đinh Hồng P dặn Võ Thanh T tiếp tục

thu tiền “bến bãi” của các xe ô tô mang biển số ngoại tỉnh đến thu mua nông sản trên địa bàn huyện M.

Vụ thứ năm: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 19/8/2016, Võ Thanh T gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc Thái N và Nguyễn Thanh H (sinh năm 1989, trú tại xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông) để cùng đi đến xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông nhưng không nói cho Nguyễn Ngọc Thái N và Nguyễn Thanh H biết mục đích. Võ Thanh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila Elizabeth, biển số 47L1 – 082.45 (xe thuộc sở hữu của chị Đinh Nguyễn Lệ N, trú tại xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông), còn Nguyễn Ngọc Thái N điều khiển xe mô tô (không xác định được biển số) chở Nguyễn Thanh H đi đến thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông thì phát hiện có xe ô tô biển số 51C – 186.57 (do anh Nguyễn Văn T, trú tại xã T, huyện C, Tp.Hồ Chí Minh, làm chủ) đang bốc hàng sủi riêng. Thấy vậy, Võ Thanh T đi lại nói chuyện với anh Nguyễn Văn T để yêu cầu anh Nguyễn Văn T nộp tiền “bến bãi” là 2.000.000 đồng thì mới được đưa xe ra khỏi địa bàn. Lúc này, Nguyễn Ngọc Thái N cũng nghe thấy việc Võ Thanh T đe dọa anh Nguyễn Văn T để lấy tiền nhưng không có phản ứng gì. Thấy Võ Thanh T là đối tượng giang hồ, lại đi cùng nhiều người nên anh Nguyễn Văn T rất sợ hãi, năn nỉ xin Võ Thanh T giảm bớt số tiền phải nộp thì Võ Thanh T yêu cầu anh Nguyễn Văn T đưa số điện thoại để Võ Thanh T liên hệ sau.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, lo lắng vì lời đe dọa của Võ Thanh T và sợ việc làm ăn của mình gặp bất trắc nên anh Nguyễn Văn T gọi điện thoại Võ Thanh T để xin giảm bớt số tiền phải nộp thì được Võ Thanh T đồng ý. Sau đó, Võ Thanh T gọi điện thoại nói Nguyễn Ngọc Thái N đến gặp anh Nguyễn Văn T để thu 1.000.000 đồng tiền “bến bãi” thì được Nguyễn Ngọc Thái N đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Ngọc Thái N điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Doãn Bá T (trú tại thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông) đến thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông để gặp anh Nguyễn Văn T thu tiền “bến bãi”. Khi Nguyễn Ngọc Thái N đang lấy số tiền 1.000.000 đồng từ anh Nguyễn Văn T thì bị lực lượng công an huyện Đắk Mil bắt quả tang; thu giữ trên người Nguyễn Ngọc Thái N số tiền 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo lời khai của Đinh Hồng P thì khoảng tháng 8 năm 2015, Đinh Hồng P đến một sông bãi ở Vương quốc Campuchia thì gặp một người đàn ông Campuchia biết nói tiếng Việt (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) hỏi Đinh Hồng P có mua súng không thì được Đinh Hồng P đồng ý. Sau khi xem súng, Đinh Hồng P đã mua của người đàn ông nói trên 01 khẩu súng ngắn số hiệu 23805 (do Pháp sản xuất), bên trong hộp tiếp đạn có 08 viên đạn (có 01 viên đã lên nòng) với giá 7.000.000 đồng. Sau khi mua súng, Đinh Hồng P mang về Việt Nam

và đã bắn thử 01 viên đạn vào bờ tường để kiểm tra súng; sau đó thì Đinh Hồng P thường xuyên mang theo khẩu súng bên người nhưng chưa sử dụng lần nào.

Do bản thân là người nghiện ma túy nên Đinh Hồng P thường mua ma túy về sử dụng. Trong một lần đến huyện T, tỉnh Đắk Nông, Đinh Hồng P quen biết một đối tượng tên T (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, là người bán ma túy. Đinh Hồng P cho T số điện thoại của mình để liên hệ mua ma túy, mỗi lần mua bán thì T chủ động gọi cho Đinh Hồng P. Ngày 31/8/2016, đối tượng tên T đến nhà trọ của Đinh Hồng P tại tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông và bán cho Đinh Hồng P 2.500.000 đồng được 01 cục ma túy gói trong bọc ni lông để sử dụng.

Khoảng 14 giờ ngày 03/9/2016, Đinh Hồng P đang ở phòng trọ tại tổ 5, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông thì có Lê Văn T điều khiển xe ô tô biển số 48A – 000.40 đến mượn tiền chuẩn bị đám cưới. Do không có tiền nên Đinh Hồng P nói Trần Văn C (trú tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An) điều khiển xe mô tô biển số 59D1 – 019.90 (xe do Đinh Hồng P mượn của Võ Thanh T để sử dụng) đến thị trấn Đ, huyện M cầm cố lấy tiền cho Lê Văn T mượn và nói Lê Văn T chở Đinh Hồng P cùng đến thị trấn Đ. Khi đi, Đinh Hồng P mang theo 01 túi da màu nâu bên trong có 01 khẩu súng số hiệu 23805 có 07 viên đạn trong hộp tiếp đạn; 01 bịch ni lông màu trắng đựng các cục ma túy để sử dụng; 02 con dao thái lan, cán nhựa màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu đen, không gắn sim thuê bao; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam đậm, có gắn sim số 0948485548 và 01646372426; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell N169, màu cam, có gắn sim số 0967857179; 01 điện thoại di động cảm ứng in logo hình quả táo cắn dở và chữ Iphone trên thân máy, không gắn sim thuê bao; 01 điện thoại di động màu vàng đen có in chữ Vertu 3061085 trên thân máy, có gắn sim số 0967242477 để liên lạc.

Đến 17 giờ cùng ngày, khi Lê Văn T điều khiển xe ô tô biển số 48A – 000.40 chở Đinh Hồng P đến đoạn đường T thuộc tổ dân phố 13, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông thì Đinh Hồng P lấy ma túy ra để sử dụng. Cùng lúc này, lực lượng Công an huyện Đắk Mil kiểm tra nên Đinh Hồng P thả bịch ni lông đựng ma túy đang cầm trên tay xuống mặt ghế phụ phía trước bên trái xe ô tô nơi Đinh Hồng P đang ngồi, đồng thời lấy túi đựng súng để phản kháng nhưng bị lực lượng Công an huyện Đắk Mil khống chế bắt giữ cùng với tang vật.

Tại bản kết luận giám định số: 47/PC54 ngày 08/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Mẫu vật gửi tới giám định là chất ma túy, là Heroin. Trọng lượng mẫu vật là 1,6881 gam. Mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng là 0,9242 gam đựng trong gói nilon được niêm phong.

Tại bản kết luận giám định số: 06/GĐSD-PC54 ngày 15/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Khẩu súng ngắn số 23805 là loại súng MAB Model D, là vũ khí quân dụng do Pháp sản xuất; 07 viên đạn (04 viên đạn ký hiệu LC74, 01 viên đạn ký hiệu LC72 và 02 viên đạn ký hiệu TW72) là vũ khí quân dụng do Mỹ sản xuất.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đinh Hồng P không có ý kiến khiếu nại gì về các kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông nêu trên.

Với các tình tiết nêu trên, các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố tại bản cáo trạng số: 32/CTr – VKS ngày 25 tháng 5 năm 2017, cụ thể. Truy tố:

- Đinh Hồng P về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 135 của BLHS; tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 của BLHS và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm đ khoản 2 Điều 230 của BLHS.

- Các bị cáo Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H và Nguyễn Văn P về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 135 của BLHS. Truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 của BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Hồng P, Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc Thái N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đinh Hồng P phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 135 của BLHS; tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 của BLHS và tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo điểm đ khoản 2 Điều 230 của BLHS. Các bị cáo Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H và Nguyễn Văn P phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 135 của BLHS; bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 của BLHS.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a,b,g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Đinh Hồng P mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194; điểm đ khoản 2 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Đinh Hồng P mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”

Áp dụng Điều 50 của BLHS, tổng hợp hình phạt chung cả ba tội buộc bị cáo Đinh Hồng P phải chấp hành mức án từ 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 20 (hai mươi) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 03/09/2016.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Võ Thanh T mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Áp dụng Điều 51 của BLHS, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù giam của bản án số 36/2016/HSST, ngày 08/8/2016 của TAND huyện Đắk Mil với hình phạt của bản án này. Buộc bị cáo Võ Thanh T phải chấp hành mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/12/2016. (Được khấu trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 03/02/2015 đến ngày 17/02/2015).

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Đoàn Quốc Q mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; Chấp nhận trong quá trình điều tra, bị cáo Đinh Hồng P đã tác động gia đình bồi thường cho ông Phan Thượng S và bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 4.000.000đồng; Bị cáo Võ Thanh T đã tác động gia đình bồi thường cho bà Phan Thị H số tiền là 1.000.000đồng, sự tự nguyện này, không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn P đã tác động gia đình bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000đ, sự tự nguyện này không trái pháp luật cần chấp nhận.

Đối với số tiền 940.000đ thu của bị cáo Đinh Hồng P đã xác định được là tiền chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn N nên đề nghị trả lại cho ông N.

Những người bị hại ông Nguyễn Văn N, ông Phan Thượng S, bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T và anh Viên Đình T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của BLHS; Điều 76 của BLTTHS, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bơm kim tiêm ký hiệu MPV, loại 3cc; 01 lọ thủy tinh có kích thước 3cm x 10cm; các sim số 0981234205; 0948485548; 01646372426; 0967857179; 0967242477; 01 quyển sổ; 01 quyển vở học sinh bìa in hiệu Thành Đạt; 01 quyển vở học sinh bìa in hiệu Thiên Long; 02 con dao thái lan cán nhựa màu vàng; 0,9242 gam Heroin (hoàn lại sau giám định); 01 túi da màu nâu;

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu đen của Nguyễn Ngọc Thái N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu đen, không gắn sim thuê bao; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam đậm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell N169, màu cam; 01 điện thoại di động cảm ứng in logo hình quả táo cắn dở và chữ Iphone trên thân máy; 01 điện thoại di động màu vàng đen có in chữ Vertu 3061085 trên thân máy của Đinh Hồng P; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ, biển số 47B1 – 579.54 của Đinh Hồng P (Đinh Hồng P mua lại của bà Nguyễn Thị H nhưng chưa làm thủ tục sang tên); Chuyển Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông xử lý 01 khẩu súng ngắn số 23805 là loại súng MAB Model D, 07 viên đạn (04 viên đạn ký hiệu LC74, 01 viên đạn ký hiệu LC72 và 02 viên đạn ký hiệu TW72) theo quy định tại Nghị định số 26/2012/NĐ-CP, ngày 05/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Trả lại cho Đinh Hồng P 01 chứng minh nhân dân số 187621439.

Đối với 01 Giấy đăng ký xe số 002418 mang tên Trần Minh T và 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu vàng trắng, biển số 59D1 – 019.90, số máy: F125-ID858501, số khung: MH8BF13BL5J-858501 do Đinh Hồng P mượn của Võ Thanh T nhưng chưa xác minh được nguồn gốc xe, giao cho Cơ quan cảnh sát điều

tra Công an huyện Đăk Mil tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000đồng; Trả lại cho Lê Văn T 01 hộ chiếu số B7329708 và 01 ba lô màu đen; 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu bạc, biển số 48A – 000.40 cho các chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động (không xác định nhãn hiệu) của Võ Thanh T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Nguyễn Văn P đã sử dụng vào việc phạm tội, do các bị cáo đã làm mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil không thu giữ được.

Trợ giúp viên pháp lý ông Y L và ông Phan Quang L bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil truy tố bị cáo Nguyễn Công H về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: vì bị cáo là người làm thuê và cũng là đàn em của bị cáo Đinh Hồng P nên bị cáo phải nghe theo sự chỉ đạo của bị cáo P, bên cạnh đó hoàn cảnh gia đình của bị cáo có khó khăn bố đang đi chấp hành án, mẹ phải đi lao động làm thuê tại Trung Quốc, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên hiểu biết về mặt pháp luật còn hạn chế, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vai trò vị trí của bị cáo hoàn toàn phụ thuộc vào sự chỉ đạo của bị cáo Đinh Hồng P nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Đinh Hồng P trình bày: Bị cáo xin lỗi gia đình những người bị hại, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo cũng xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho các bị cáo khác trong vụ án và tạo điều kiện cho bị cáo một lần nữa được sửa chữa những lỗi lầm của mình để trở thành người công dân tốt.

Các bị cáo Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc Thái N đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cũng xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Hồng P, Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc Thái N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 9 năm 2016, Đinh Hồng P cùng Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc Thái N đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 16/5/2016, tại thôn 1, xã N, huyện M, tỉnh Đắk Nông Đinh Hồng P, Nguyễn Công H và Hồ Ngọc S đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt của anh Viên Đình T 200.000đồng.

Vụ thứ hai: Vào đầu tháng 6 năm 2016, do biết gia đình ông Phan Thượng S và bà Nguyễn Thị T đang canh tác trái phép trên thửa đất tại lô 3, khoảnh 7, tiểu khu 1130 thuộc xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông do Công ty L quản lý nên Đinh Hồng P thuê khoảng 4 người (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến đe dọa không cho gia đình ông Phan Thượng S canh tác đồng thời ra điều kiện nếu gia đình ông Phan Thượng S không nộp cho Đinh Hồng P 220.000.000đồng thì sẽ bán đất cho người khác, do lo sợ nhóm của Đinh Hồng P

hãm hại và lấy đất nên khoảng 9 giờ ngày 10/8/2016 ông Phan Thượng S đến nhà nghỉ H thuộc tổ 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông để gặp và đưa cho Đinh Hồng P số tiền 120.000.000đồng, còn lại 100.000.000đồng hẹn cuối năm 2016 sẽ thanh toán.

Vụ thứ ba: Khoảng tháng 8 năm 2016, Đinh Hồng P bàn bạc với Trần Văn T dựng một lán chòi trên mảnh đất của ông Nguyễn Văn N thuộc thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông nhằm mục đích uy hiếp ông N để lấy đất hoặc buộc ông N phải nộp tiền. Đinh Hồng P nói Nguyễn Văn P, Trần Văn C và một người dân tộc (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến giúp Trần Văn T như đã bàn bạc. Khi gia đình ông Nguyễn Văn N dỡ bỏ lán chòi thì Đinh Hồng P, Trần Văn T cùng Nguyễn Văn P đến đe dọa buộc ông N phải bồi thường số tiền 200.000.000đồng. Do sợ nhóm của Đinh Hồng P đánh và chiếm đất nên khoảng 15 giờ, ngày 25/8/2016 ông Nguyễn Văn N đã đưa cho Đinh Hồng P số tiền 45.000.000đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 17 giờ ngày 19/8/2016, Đoàn Quốc Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47A-040.78 chở Đinh Hồng P và Võ Thanh T đến xã Đ, huyện M để tìm các xe tải đang thu mua sầu riêng để thu tiền “bén bãi” (tiền bảo kê), khi đi đến thôn Đ, xã Đ, huyện M thì phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 71C-029.40 (xe do bà Phan Thị H làm chủ) đang bốc sầu riêng lên xe nên Đinh Hồng P, Võ Thanh T và Đoàn Quốc Q đã vào đe dọa và buộc bà Phan Thị H phải nộp cho nhóm của Đinh Hồng P số tiền là 1.000.000đồng. Sau đó Đinh Hồng P đi về và nói Võ Thanh T tiếp tục đi thu tiền “bén bãi” các xe khác.

Vụ thứ năm: Theo yêu cầu của Đinh Hồng P nên vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 19/8/2016, Võ Thanh T rủ Nguyễn Ngọc Thái N đến xã Đ, huyện M chơi thì N đồng ý. Khi đi đến khu vực thôn Đ, xã Đ, huyện M thì phát hiện xe ô tô tải biển kiểm soát 51C-186.57 (xe do anh Nguyễn Văn T làm chủ) đang bốc sầu riêng lên xe nên Võ Thanh T đã vào đe dọa buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 2.000.000đồng tiền “bén bãi”, anh T thoả thuận xin nộp 1.000.000đồng thì được Võ Thanh T đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Võ Thanh T nhờ Nguyễn Ngọc Thái N đến gặp anh Nguyễn Văn T để thu tiền “bén bãi” thì được Nguyễn Ngọc Thái N đồng ý. Khi Nguyễn Ngọc Thái N nhận của anh Nguyễn Văn T 1.000.000đồng thì bị lực lượng Công an huyện Đắk Mil bắt quả tang cùng tang vật.

Ngoài ra, khoảng 17 giờ ngày 03/9/2016, tại đoạn đường T thuộc tổ dân phố 13, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Công an huyện Đắk Mil bắt quả tang Đinh Hồng P có hành vi tàng trữ trái phép 1,6881 gram Heroin và 01 khẩu súng ngắn số 23805 là loại súng MAB Model D, là vũ khí quân dụng do Pháp sản xuất;

07 viên đạn (04 viên đạn ký hiệu LC74, 01 viên đạn ký hiệu LC72 và 02 viên đạn ký hiệu TW72) là vũ khí quân dụng do Mỹ sản xuất.

Như vậy, Đinh Hồng P đã thực hiện 07 vụ (trong đó: 01 vụ tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; 01 vụ tàng trữ trái phép chất ma túy và cùng đồng bọn thực hiện 5 vụ cưỡng đoạt tài sản với tổng số tiền đã chiếm đoạt là: 267.200.000đồng); Nguyễn Văn P cùng đồng bọn thực hiện 01 vụ cưỡng đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 45.000.000đồng; Võ Thanh T cùng đồng bọn thực hiện 02 vụ cưỡng đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 2.000.000đồng; Nguyễn Công H cùng đồng bọn thực hiện 01 vụ cưỡng đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 200.000đồng; Đoàn Quốc Q cùng đồng bọn thực hiện 01 vụ cưỡng đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 1.000.000đồng; Nguyễn Ngọc Thái N cùng đồng bọn thực hiện 01 vụ cưỡng đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt là 1.000.000đồng.

Trong vụ án “*Cưỡng đoạt tài sản*”, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần nhằm buộc những người bị hại phải nộp tiền “bên bãi” (tiền bảo kê) nếu không nộp tiền sẽ không cho xe đi khỏi địa bàn huyện M. Do lo sợ nhóm của Đinh Hồng P đánh và không cho xe đi nên anh Viên Đình T phải đưa số tiền 200.000đồng, bà Phan Thị H phải đưa số tiền là 1.000.000đồng, anh Nguyễn Văn T phải đưa số tiền là 1.000.000đồng cho nhóm của Đinh Hồng P. Cũng với hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần buộc những người bị hại phải nộp tiền nếu không sẽ lấy đất nên ông Phan Phương S và bà Nguyễn Thị T phải đưa cho Đinh Hồng P số tiền là 120.000.000đồng và nợ lại 100.000.000đồng, ông Nguyễn Văn N phải đưa cho Đinh Hồng P số tiền 45.000.000đồng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Đinh Hồng P, Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc Thái N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 135 của BLHS.

Quá trình thực hiện tội phạm, Đinh Hồng P cùng các đồng phạm là Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P đã cấu kết hình thành băng nhóm, hoạt động có tổ chức dưới sự điều hành của Đinh Hồng P, có sự cấu kết chặt chẽ và phân công trách nhiệm cho những đồng phạm khác để thực hiện tội phạm, do vậy các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là “*Có tổ chức*” theo điểm a khoản 2 Điều 135 của BLHS. Số tiền mà bị cáo Đinh Hồng P đã chiếm đoạt là: 267.200.000đồng, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 135 của BLHS.

Trong vụ án “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 và điểm b tiểu mục 3.6, mục 3, phần II của Thông tư liên tịch số: 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày

24/12/2007 của liên Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn một số quy định tại Chương XVIII “*Các tội phạm về ma túy*” của BLHS năm 1999 thì hành vi tàng trữ trái phép 1,6881 gram Heroin với mục đích sử dụng của Đinh Hồng P đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Điều 194 của BLHS.

Trong vụ án “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Pháp lệnh số 16/2012/UBTVQH12, ngày 30/6/2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Pháp lệnh số 07/2013/UBTVQH13, ngày 12/7/2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số: 25/2012/NĐ-CP, ngày 05/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì hành vi tàng trữ 01 khẩu súng ngắn số 23805 là loại súng MAB Model D, là vũ khí quân dụng do Pháp sản xuất; 07 viên đạn (04 viên đạn ký hiệu LC74, 01 viên đạn ký hiệu LC72 và 02 viên đạn ký hiệu TW72) là vũ khí quân dụng do Mỹ sản xuất của Đinh Hồng P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo Điều 230 của BLHS.

Về nhân thân của bị cáo Đinh Hồng P: Bị cáo có 03 tiền án, cụ thể: Tại bản án số 50/HSST ngày 19/01/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo Đinh Hồng P 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 16/11/1999. Đến ngày 16/10/2000 thực hiện hành vi giết người, ngày 17/11/2000 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 16 năm tù chung cho cả hai tội tại Bản án số: 236/HSST, ngày 26/7/2002, đến ngày 14/7/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Bị cáo đều chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm p khoản 2 Điều 194 và điểm đ khoản 2 Điều 230 của BLHS.

Xét quan điểm buộc tội và đề nghị của Kiểm sát viên, cũng như lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Bị cáo Đinh Hồng P phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 135 của BLHS; tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm p khoản 2 Điều 194 của BLHS và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 230 của BLHS. Các bị cáo Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H và Nguyễn Văn P phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 135 của BLHS. Bị cáo

Nguyễn Ngọc Thái N phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 135 của BLHS.

Điều 135 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Có tổ chức;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

...”

Điều 194 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...

p) Tái phạm nguy hiểm”.

Điều 230 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm:

...

đ) Tái phạm nguy hiểm.

...”

Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

n) Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Đánh giá tính chất vụ án các bị cáo đã gây ra là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo Đinh Hồng P, Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc Thái N đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của anh Viên Đình T, ông Phan Thượng S, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, bà Phan Thị H và anh Nguyễn Văn T, không chỉ tác động tiêu cực đến tinh thần của những người bị hại mà còn gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo Đinh Hồng P đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước đối với vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Đinh Hồng P đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, đồng thời cũng là tiền đề của các tệ nạn xã hội khác.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 9 năm 2016, Đinh Hồng P cùng Võ Thanh T, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P và Nguyễn Ngọc Thái N đã thực hiện 05 vụ “*Cưỡng đoạt tài sản*” trên địa bàn huyện M và huyện S, riêng bị cáo Đinh Hồng P còn thực hiện 01 vụ “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 01 vụ “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được việc giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trong vụ án “*Cưỡng đoạt tài sản*” có nhiều bị cáo cùng tham gia, tính chất, mức độ vi phạm và vai trò của từng bị cáo khác nhau nên cần có sự phân hoá để áp dụng hình phạt cho tương xứng, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo Đinh Hồng P là người chủ mưu, khởi xướng việc phạm tội, bị cáo phân công nhiệm vụ cho các bị cáo khác để thống nhất thực hiện tội phạm, đồng thời bị cáo cũng là người thực hành tích cực nhất, bị cáo tham gia 05 vụ cưỡng đoạt tài sản với số tiền chiếm đoạt lớn nhất do đó bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất. Các bị cáo Nguyễn Văn P, Võ Thanh T, Nguyễn Công H tham gia với vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực do đó các bị cáo phải chịu chung hậu quả đối với từng vụ mà các bị cáo tham gia và phải chịu mức hình phạt

thấp hơn so với bị cáo Đinh Hồng P là phù hợp. Bị cáo Đoàn Quốc Q tuy không trực tiếp tham gia cưỡng đoạt tài sản nhưng khi Đinh Hồng P và Võ Thanh T bàn bạc về việc thu tiền “bến bãi” thì bị cáo nhận thức được việc sẽ đi thu tiền bảo kê và ngầm đồng ý, mặt khác bị cáo cũng điều khiển xe ô tô và tìm tài xế xe ô tô tải theo yêu cầu của Đinh Hồng P, bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N khi đi cùng Võ Thanh T nghe thấy bị cáo T đe dọa anh Nguyễn Văn T để đòi tiền bảo kê nhưng không có phản ứng gì, khi được Võ Thanh T nhờ đến gặp anh Nguyễn Văn T để lấy tiền, bị cáo biết rõ là đến để thu tiền bảo kê nên đã đồng ý, do đó các bị cáo Đoàn Quốc Q, Nguyễn Ngọc Thái N phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm là người giúp sức.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án “*Cưỡng đoạt tài sản*”: Bị cáo Đinh Hồng P cùng các đồng phạm đã cấu kết hình thành băng nhóm, hoạt động có tổ chức, thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn huyện M và huyện S, bị cáo tham gia 05 vụ cưỡng đoạt tài sản và lấy việc phạm tội là nguồn sống chính, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà phạm tội mới do cố ý, vì vậy bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội có tổ chức*”, “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Tái phạm nguy hiểm*” theo các điểm a, b, g khoản 1 Điều 48 của BLHS. Bị cáo Võ Thanh T tham gia 2 vụ cưỡng đoạt tài sản do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội nhiều lần*” theo điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn P có 01 tiền án về tội “*Cướp tài sản*” theo Bản án số: 147/2012/HSST ngày 08/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm 06 tháng tù, ngày 04/7/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” theo điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Về nhân thân các bị cáo: Đối với các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H và Nguyễn Ngọc Thái N là người có nhân thân xấu, cụ thể: Tại Bản án số: 36/2016/HSST, ngày 08/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xử phạt bị cáo Võ Thanh T 03 năm tù, về tội “*Cố ý gây thương tích*” bị cáo chưa chấp hành án; Tại Bản án số: 09/2012/HSST, ngày 24/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Nguyễn Công H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tại Bản án số: 285/2012/HSST ngày 19/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xử phạt Nguyễn Công H 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 02 năm 06 tháng tù, ngày 12/7/2014 bị cáo chấp hành xong bản án. Tại Bản án số: 45/2012/HSST ngày 25/9/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk xử phạt Nguyễn Ngọc Thái N 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, ngày 15/7/2014 bị cáo chấp hành xong bản án.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 109/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số 144/QH13 ngày 29/6/2016 thì các bị cáo Nguyễn Công H và Nguyễn Ngọc Thái N đã được xóa án tích nhưng cũng cần xem xét đến nhân thân của các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đinh Hồng P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông Phan Thượng S và bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 4.000.000đồng và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS đối với tất cả các tội và áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS đối với tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” cho bị cáo Đinh Hồng P là phù hợp. Bị cáo Võ Thanh T sau khi thực hiện tội phạm đã đến Công an huyện Đắk Mil đầu thú, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà Phan Thị H số tiền 1.000.000đồng do vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS đối với bị cáo T là phù hợp. Đối với các bị cáo Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Ngọc Thái N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS đối với tất cả các bị cáo. Ngoài ra người bị hại Nguyễn Văn T cũng có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N; Bị cáo Nguyễn Công H là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về mặt pháp luật có phần hạn chế, hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn nên cũng cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 BLHS cho ba bị cáo này mới phù hợp. Trước khi mở phiên tòa do sự tác động của bị cáo Nguyễn Văn P nên gia đình bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Tòa án để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại ông Nguyễn Văn N nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn P mới phù hợp.

Hội đồng xét xử căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 đối với một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 thì hành vi tàng trữ 1,6881 gram heroin với tình tiết định khung là “*Tái phạm nguy hiểm*” của bị cáo Đinh Hồng P

đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm khi lượng hình để xem xét mức hình phạt phù hợp, thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của Nhà nước (Điều khoản có lợi cho người phạm tội).

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo Đinh Hồng P đã tác động gia đình bồi thường cho ông Phan Thượng S và bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 4.000.000đồng. Bị cáo Võ Thanh T đã tác động gia đình bồi thường cho bà Phan Thị H số tiền là 1.000.000đồng nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn N đồng ý nhận số tiền 5.000.000đ khắc phục của bị cáo Nguyễn Văn P và số tiền 940.000 đồng của bị cáo Đinh Hồng P bị thu giữ khi bị bắt, ngoài ra số tiền còn lại thì ông không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Xét thấy đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

Người bị hại ông Nguyễn Văn N, ông Phan Thượng S, bà Nguyễn Thị T, anh Viên Đình T, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã ra Quyết định xử lý vật chứng: Trả lại 1.000.000đồng cho anh Nguyễn Văn T; trả lại 01 hộ chiếu số B7329708 và 01 ba lô màu đen cho Lê Văn T; trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu bạc, biển số 48A – 000.40 cho ông Bùi Quang C là chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định tại Điều 42 của Bộ luật hình sự.

Đối với 01 bơm kim tiêm ký hiệu MPV, loại 3cc; 01 lọ thủy tinh có kích thước 3cm x 10cm; các sim số 0981234205; 0948485548; 01646372426; 0967857179; 0967242477; 01 quyển sổ; 01 quyển vở học sinh bìa in hiệu Thành Đạt; 01 quyển vở học sinh bìa in hiệu Thiên Long; 02 con dao thái lan cán nhựa màu vàng; 0,9242 gam Heroin (hoàn lại sau giám định); 01 túi da màu nâu do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu đen của Nguyễn Ngọc Thái N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu đen, không gắn sim thuê bao; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam đậm, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell N169, màu cam, 01 điện thoại di động cảm ứng in logo hình quả táo cắn dở và chữ Iphone trên thân máy, 01 điện thoại di động màu vàng đen có in chữ Vertu 3061085 trên thân máy của Đinh Hồng P; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ, biển số 47B1 – 579.54 của Đinh Hồng P (Đinh Hồng P mua lại của bà Nguyễn Thị H nhưng chưa làm thủ tục sang tên) do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà

nước. Đối với 01 khẩu súng ngắn số 23805 là loại súng MAB Model D; 07 viên đạn (04 viên đạn ký hiệu LC74, 01 viên đạn ký hiệu LC72 và 02 viên đạn ký hiệu TW72) cần chuyển Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông xử lý theo quy định tại Nghị định số 26/2012/NĐ-CP, ngày 05/4/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Đối với 01 chứng minh nhân dân số 187621439 mang tên Đinh Hồng P do không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp;

Đối với số tiền 940.000 đồng thu giữ của Đinh Hồng P, trong quá trình điều tra bị cáo khai nhận đây là số tiền đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn N do đó cần trả lại cho ông N là phù hợp;

Đối với 01 Giấy đăng ký xe số 002418 mang tên Trần Minh T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu vàng trắng, biển số 59D1 – 019.90, số máy: F125-ID858501, số khung: MH8BF13BL5J-858501 do Đinh Hồng P mượn của Võ Thanh T nhưng chưa xác minh được nguồn gốc xe, giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu ghi, biển số 47A – 040.78 của ông Vũ Ngọc Q và 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila Elizabeth, màu đỏ, biển số 47L1 – 082.45 của chị Đinh Nguyễn Lệ N trong quá trình điều tra đã chứng minh các chủ sở hữu không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động (không xác định nhãn hiệu) của Võ Thanh T và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia của Nguyễn Văn P đã sử dụng vào việc phạm tội, do các bị cáo đã làm mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil không thu giữ được.

[8] Trong vụ án này còn một số vấn đề sau:

- Đối với Hồ Ngọc S và Trần Văn T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

- Đối với Nguyễn Công H, Trần Văn C và Đoàn Quốc Q, do không biết mục đích, hành vi, thủ đoạn đe dọa gia đình anh Phan Thượng S và gia đình ông Nguyễn Văn N nhằm chiếm đoạt tiền của Đinh Hồng P nên không có căn cứ xử lý trước pháp luật.

- Đối với đối tượng tên C tham gia cùng Đinh Hồng P trong vụ cưỡng đoạt tài sản ngày 10/8/2016 và vụ cưỡng đoạt tài sản ngày 25/8/2016, hiện chưa

xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với Nguyễn Thanh H, Doãn Bá T đi cùng Võ Thanh T và Nguyễn Ngọc Thái N do không biết mục đích, hành vi của T và N nên không có căn cứ xử lý trước pháp luật.

- Đối với đối tượng tên T, là người bán ma túy và đối tượng người đàn ông Campuchia biết nói tiếng Việt bán súng cho Đinh Hồng P, hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với các đối tượng tên H, đối tượng người dân tộc thiểu số tên C và các đối tượng làm thuê cho Đinh Hồng P, hiện chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với các ông Vũ Ngọc Q, Nguyễn Phúc H, Bùi Quang C và Lê Hoàng C, do không biết các bị cáo sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 47A – 040.78 và xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 48A – 000.40 làm phương tiện phạm tội nên không có căn cứ xử lý trước pháp luật.

- Đối với Lê Văn T, Trần Văn C do không biết Đinh Hồng P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng nên không có căn cứ xử lý trước pháp luật.

- Đối với hành vi đi qua biên giới Vương quốc Campuchia để mua súng của Đinh Hồng P, do không có đủ căn cứ xác định đây là hành vi xuất nhập cảnh trái phép nên không có căn cứ để xử lý trước pháp luật.

- Đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản của Đinh Hồng P, Đoàn Quốc Q, Võ Thanh T vào ngày 19/8/2016 tại vừa sầu riêng của bà Nguyễn Thị Mai T thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông và tại vừa sầu riêng của bà Đỗ Cao T thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, do chưa xác định được người bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đang tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: Các bị cáo Đinh Hồng P, Võ Thanh T, Nguyễn Văn P, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H và Võ Ngọc Thái N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Hồng P phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”

1.1. Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 135; điểm p khoản 2 Điều 194; điểm đ khoản 2 Điều 230; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các điểm a, b, g khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999 và điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Đinh Hồng P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; 05 (năm) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; 05 (năm) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

1.2. Áp dụng Điều 50 của BLHS tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội. Buộc bị cáo Đinh Hồng P phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 03/9/2016.

2. Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Văn P, Đoàn Quốc Q, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

2.1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS: Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng Điều 51 của BLHS, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 36/2016/HSST, ngày 08/8/2016 của TAND huyện Đắk Mil với hình phạt của bản án này. Buộc bị cáo Võ Thanh T phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/12/2016. (Được khấu trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 03/02/2015 đến ngày 17/02/2015)

2.2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/7/2017.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS: Xử phạt bị cáo Đoàn Quốc Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/9/2016

2.4. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 07/02/2017.

2.5. Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 20/8/2016.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 76 của BLTTHS:

3.1. Chấp nhận: Gia đình bị cáo Đinh Hồng P đã bồi thường cho ông Phan Thượng S và bà Nguyễn Thị T số tiền 30.000.000đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 4.000.000đồng; Gia đình bị cáo Nguyễn Văn P đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000đồng.

3.2. Trả cho bà Phan Thị H số tiền là 1.000.000đồng gia đình bị cáo Võ Thanh T bồi thường; Trả cho ông Nguyễn văn N số tiền 940.000đồng đã thu giữ của bị cáo Đinh Hồng P. Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 của BLHS; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 76 của BLTTHS:

4.1. Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.000.000đồng (theo Quyết định xử lý vật chứng số: 30 ngày 29/8/2016); Trả lại 01 hộ chiếu số B7329708, 01 ba lô màu đen cho Lê Văn T và trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu bạc, biển số 48A – 000.40 cho ông Bùi Quang C (theo Quyết định xử lý vật chứng số: 48 ngày 27/12/2016).

4.2. Tịch thu, tiêu hủy: 01 bơm kim tiêm ký hiệu MPV, loại 3cc; 01 lọ thủy tinh có kích thước 3cm x 10cm; các sim số 0981234205; 0948485548; 01646372426; 0967857179; 0967242477; 01 quyển sổ; 01 quyển vở học sinh bìa in hiệu Thành Đạt; 01 quyển vở học sinh bìa in hiệu Thiên Long; 02 con dao thái lan cán nhựa màu vàng; 0,9242 gam Heroin (hoàn lại sau giám định); 01 túi da màu nâu.

4.3. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202 màu đen của Nguyễn Ngọc Thái N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu đen, không gắn sim thuê bao; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 130, màu cam đậm, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell N169, màu cam, 01 điện thoại di động cảm ứng in logo hình quả táo cắn dở và chữ Iphone trên thân máy, 01 điện thoại di động màu vàng đen có in chữ Vertu 3061085 trên thân máy của Đinh Hồng Phong; và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ, biển số 47B1 – 579.54 của Đinh Hồng P; Chuyển Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông xử lý 01 khẩu súng ngắn số 23805 là loại súng MAB Model D, 07 viên đạn (04 viên đạn ký hiệu LC74, 01 viên đạn ký hiệu LC72 và 02 viên đạn ký hiệu TW72).

4.4. Trả lại cho Đinh Hồng P 01 chứng minh nhân dân số 187621439;

4.5. Đối với 01 Giấy đăng ký xe số 002418 mang tên Trần Minh T và 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu vàng trắng, biển số 59D1-019.90, số máy: F125-

ID858501, số khung: MH8BF13BL5J-858501 do Đinh Hồng P mượn của Võ Thanh T nhưng chưa xác minh được nguồn gốc xe, nên giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tất cả các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đinh Hồng Ph, Nguyễn Văn P, Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Đoàn Quốc Q và Nguyễn Ngọc Thái N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1. Các bị cáo, những người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

6.2. Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án; những người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
- Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS Công an huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Mil;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh